

12/7, CT HQT, KKH, cái đơn vđ,
- P.TCCB Tônst' khai, Tổng hợp đơn
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

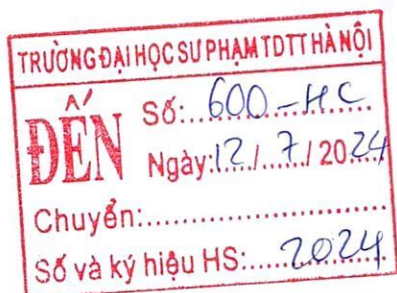
Số: 3498 /BGDDT-TCCB

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2024

V/v góp ý dự thảo văn bản hướng
dẫn tổ chức hoạt động và bình xét
thi đua, khen thưởng các đơn vị
trực thuộc Bộ và cơ sở giáo dục đại
học, trường cao đẳng sư phạm năm
học 2023-2024 và năm 2024

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các cơ sở giáo dục đại học tư thực.



Thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật khác về thi đua, khen thưởng, Bộ Giáo dục và Đào tạo dự thảo công văn hướng dẫn tổ chức hoạt động và bình xét thi đua, khen thưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm năm học 2023-2024 và năm 2024 (gửi kèm theo).

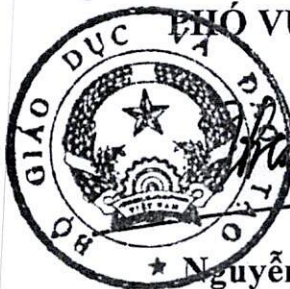
Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị cho ý kiến góp ý dự thảo văn bản và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Tổ chức cán bộ), số 35 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội trước ngày 20/7/2024, bản mềm gửi về địa chỉ email vutdkt@moet.gov.vn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Nguyễn Thị Kim Chi (để báo cáo);
- Vụ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



★ Nguyễn Thị Hạnh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BGDDT-TCCB

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2024

V/v hướng dẫn tổ chức hoạt động và
bình xét thi đua, khen thưởng các đơn
vị trực thuộc Bộ và cơ sở giáo dục
đại học, trường cao đẳng sư phạm
năm học 2023-2024 và năm 2024

DỰ THẢO

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng sư phạm.

Thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Thông tư số 29/2023/TT-BGDDT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục, Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tổ chức hoạt động, bình xét thi đua, khen thưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm năm học 2023 - 2024 và năm 2024 như sau:

I. PHÂN CHIA CỤM, KHỎI THI ĐUA

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được chia làm 08 cụm thi đua

1.1. Cụm 1 gồm 03 đơn vị: Đại học Đà Nẵng, Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế.

1.2. Cụm 2 gồm 05 đơn vị: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Cụm 3 gồm 05 đơn vị: Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, Học viện Quản lý Giáo dục, Trường

Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Cụm 4 gồm 07 đơn vị: Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Cụm 5 gồm 07 đơn vị: Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Giao thông vận tải, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Mở Hà Nội.

1.6. Cụm 6 gồm 09 đơn vị: Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Nha Trang, Trường Đại học Kiên Giang, Trường Đại học Đà Lạt, Trường Đại học Quy Nhơn, Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Đại học Việt Đức.

1.7. Cụm 7 gồm 06 đơn vị: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Hữu nghị T78, Trường Hữu nghị 80.

1.8. Cụm 8 gồm 09 đơn vị: Tạp chí Giáo dục, Trung tâm khu vực về học tập suốt đời của tổ chức SEAMEO tại Việt Nam, Ban Quản lý các Dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Nghiên cứu Thiết kế trường học, Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán, Báo Giáo dục và Thời đại, Trung tâm Đào tạo khu vực của tổ chức SEAMEO tại Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

2. Các cơ sở giáo dục đại học tự thực được chia làm 09 cụm thi đua

2.1. Cụm 1 gồm 09 đơn vị: Trường Đại học Công nghệ Đông Á (tỉnh Bắc Ninh), Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu nghị (Hà Nội), Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng (Hải Phòng), Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (Hà Nội), Trường Đại học VINUNI (Hà Nội), Trường Đại học Quốc tế Bắc Hà (tỉnh Bắc Ninh), Trường Đại học Kinh Bắc (tỉnh Bắc Ninh), Trường Đại học Anh Quốc Việt Nam (tỉnh Hưng Yên), Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam (tỉnh Hưng Yên).

2.2. Cụm 2 gồm 08 đơn vị: Trường Đại học Phenikaa (Hà Nội), Trường Đại học Đại Nam (Hà Nội), Trường Đại học Dân lập Phương Đông (Hà Nội), Trường Đại học Hòa Bình (Hà Nội), Trường Đại học Lương Thế Vinh (tỉnh Nam Định), Trường Đại học Nguyễn Trãi (Hà Nội), Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội (Hà Nội), Trường Đại học CMC (Hà Nội).

2.3. Cụm 3 gồm 08 đơn vị: Trường Đại học Chu Văn An (tỉnh Hưng Yên), Trường Đại học Thành Đô (Hà Nội), Trường Đại học Đông Đô (Hà Nội), Trường

Đại học FPT (Hà Nội), Trường Đại học Thăng Long (Hà Nội), Trường Đại học Thành Đông (tỉnh Hải Dương), Trường Đại học Trung Vương (tỉnh Vĩnh Phúc), Trường Đại học Việt Bắc (tỉnh Thái Nguyên).

2.4. Cụm 4 gồm 06 đơn vị: 1. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng (Đà Nẵng, Trường Đại học Công nghệ Vạn Xuân (tỉnh Nghệ An), Trường Đại học Công nghiệp Vinh (tỉnh Nghệ An), Trường Đại học Phú Xuân (tỉnh Thừa Thiên Huế), Trường Đại học Thái Bình Dương (tỉnh Khánh Hòa), Trường Đại học Mỹ tại Việt Nam (Đà Nẵng).

2.5. Cụm 5 gồm 06 đơn vị: Trường Đại học Duy Tân (Đà Nẵng), Trường Đại học Yersin Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng), Trường Đại học Đông Á (Đà Nẵng), Trường Đại học Quang Trung (tỉnh Bình Định), Trường Đại học Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk), Trường Đại học Phan Châu Trinh (tỉnh Quảng Nam).

2.6. Cụm 6 gồm 07 đơn vị: Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai (tỉnh Đồng Nai), Trường Đại học Công nghệ Miền Đông (tỉnh Đồng Nai), Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), Trường Đại học Phan Thiết (tỉnh Bình Thuận).

2.7. Cụm 7 gồm 08 đơn vị: Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học Lạc Hồng (tỉnh Đồng Nai), Trường Đại học Văn Hiến (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học Bình Dương (tỉnh Bình Dương), Trường Đại học Gia Định (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học Văn Lang (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương (tỉnh Bình Dương).

2.8. Cụm 8 gồm 08 đơn vị: Trường Đại học Hoa Sen (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học Quốc tế Miền Đông (tỉnh Bình Dương), Trường Đại học tư thục Quốc tế Sài Gòn (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học Fulbright Việt Nam (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học Hùng Vương - Thành phố Hồ Chí Minh (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (TP Hồ Chí Minh), Trường Đại học quốc tế RMIT tại Việt Nam (TP Hồ Chí Minh).

2.9. Cụm 9 gồm 06 đơn vị: Trường Đại học Cửu Long (tỉnh Vĩnh Long), Trường Đại học Nam Cần Thơ (Cần Thơ), Trường Đại học Tây Đô (Cần Thơ), Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An (tỉnh Long An), Trường Đại học Tân Tạo (tỉnh Long An), Trường Đại học Võ Trường Toản (tỉnh Hậu Giang).

3. Các đơn vị cấu thành của đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (không bao gồm các đại học trực thuộc Bộ) được tổ chức thành 02 khối thi đua theo chức năng, nhiệm vụ tương đồng (không chia khối thi đua đối với đơn vị có dưới 05 đơn vị cấu thành).

4. Đại học quốc gia, đại học vùng, đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được chia thành các khối thi đua như sau:

4.1. Đối với các trường thành viên, phân hiệu, khoa trực thuộc và đơn vị đào tạo tương đương: Nếu có dưới 10 đơn vị thì tổ chức thành 01 khối thi đua, nếu có 10 đơn vị trở lên thì thành lập 02 khối thi đua.

4.2. Đối với các ban chức năng và Văn phòng: Nếu có dưới 10 đơn vị cấu thành thì tổ chức thành 01 khối thi đua, nếu có 10 đơn vị cấu thành trở lên thì thành lập 02 khối thi đua.

4.3. Đối với các viện trực thuộc: Nếu có dưới 10 đơn vị cấu thành thì tổ chức thành 01 khối thi đua, nếu có 10 đơn vị cấu thành trở lên thì thành lập 02 khối thi đua.

4.4. Đối với các trung tâm trực thuộc: Nếu có dưới 10 đơn vị cấu thành thì tổ chức thành 01 khối thi đua, nếu có 10 đơn vị cấu thành trở lên thì thành lập 02 khối thi đua.

4.5. Đối với các đơn vị dịch vụ, phục vụ và đơn vị khác trực thuộc: Nếu có dưới 10 đơn vị cấu thành thì tổ chức thành 01 khối thi đua, nếu có 10 đơn vị cấu thành trở lên thì thành lập 02 khối thi đua.

4.6. Mỗi trường thành viên và các đơn vị thuộc, trực thuộc đại học có tư cách pháp nhân được chia thành 02 khối thi đua theo chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

5. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam được chia thành các khối thi đua như sau:

5.1. Các đơn vị trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam được tổ chức thành 01 khối thi đua.

5.2. Cơ quan Văn phòng Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam được tổ chức thành 02 khối thi đua trên cơ sở các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

5.3. Công ty cổ phần là công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam được tổ chức thành 01 khối thi đua.

5.4. Công ty cổ phần có vốn góp được tổ chức thành 03 khối thi đua trên cơ sở các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng hoặc gần về mặt địa lý.

6. Các bộ, ban, ngành, tỉnh chia các cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng sư phạm trực thuộc thành 01 cụm thi đua. Nếu bộ, ban, ngành, tỉnh có 10 cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng sư phạm trực thuộc trở lên thì thành lập 02 cụm thi đua (không chia cụm thi đua đối với bộ, ban, ngành, tỉnh có dưới 05 cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng sư phạm trực thuộc).

II. TIÊU CHÍ THI ĐUA VÀ CÁCH CHẤM ĐIỂM

1. Các cụm thi đua của các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ tiêu chí thi đua và điểm đánh giá thực hiện theo Công văn số 1965/BGDĐT-TĐKT ngày 11/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ Cụm thi đua số 8).

Các đơn vị tiếp tục sử dụng phần mềm chấm điểm thi đua khối các đơn vị trực thuộc Bộ; Trường Hữu nghị T78, Trường Hữu nghị 80 tiếp tục gửi bản tự chấm điểm thi đua bằng văn bản giấy về các đơn vị thuộc Bộ được phân công chấm điểm. Thời gian các đơn vị trực thuộc Bộ gửi kết quả tự chấm điểm trên phần mềm, hoàn thành trước ngày 15/9/2024.

2. Các cụm thi đua của các cơ sở giáo dục đại học tư thực

2.1. Danh mục tiêu chí thi đua tại Phụ lục kèm theo.

2.2. Cách chấm điểm

Tổng số điểm là 160 điểm.

a) Cách chấm điểm, xếp hạng thi đua

- Mức xuất sắc: Xem xét, lựa chọn các đơn vị đạt từ 135 điểm trở lên, có nhiều đổi mới, sáng tạo và đạt được kết quả nổi trội trong triển khai, thực hiện nhiệm vụ; tối đa không quá 20% tổng số đơn vị được đánh giá, xếp ở mức xuất sắc theo thứ tự từ điểm số cao đến điểm số thấp.

- Mức tốt: Lựa chọn các đơn vị đạt từ 100 điểm đến dưới 135 điểm, có đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ và các đơn vị đạt từ 135 điểm trở lên nhưng không được xếp ở mức xuất sắc.

- Mức trung bình: Các đơn vị đạt từ 75 điểm đến dưới 100 điểm và các đơn vị đạt từ 100 điểm trở lên nhưng không được xếp ở mức tốt, xuất sắc thuộc các trường hợp sau:

+ Đơn vị không có tổ chức trực thuộc hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo quản lý bị kỷ luật.

+ Đơn vị mất đoàn kết hoặc có biểu hiện mất đoàn kết (phát sinh nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh trong nội bộ).

+ Đơn vị có tiêu cực hoặc có vi phạm nghiêm trọng trong công tác tiếp nhận, luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, thi nâng ngạch, thi vào ngạch, khen thưởng, kỷ luật đến mức phải bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

+ Đơn vị có các hành vi sách nhiễu, tiêu cực, tham ô, tham nhũng đến mức phải bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên. Có sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ đến mức phải bồi thường, trừ trường hợp vi phạm do đơn vị tự phát hiện, chủ động xử lý hoặc đề nghị xử lý thì có thể xem xét xếp hạng tốt.

- Mức yếu: Các đơn vị đạt dưới 75 điểm; các đơn vị đạt từ 75 điểm trở lên có người lao động trực thuộc bị khởi tố hình sự về hành vi trong quá trình thực

hiện nhiệm vụ.

Đối với các trường hợp đơn vị có người lao động trực thuộc bị khởi tố hình sự về hành vi không liên quan đến quá trình thực hiện nhiệm vụ thì xem xét hạ 01 mức xếp hạng so với mức xếp hạng dự kiến đạt được.

b) Lưu ý

- Đối với các trường hợp có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh, làm rõ hoặc đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm thì sau khi có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền mới xem xét xếp hạng thi đua và xét khen thưởng.

- Kết quả xử lý kỷ luật chỉ được áp dụng một lần trong xem xét xếp hạng thi đua và xét khen thưởng.

- Không xét khen thưởng hoặc hạ bậc khen thưởng đối với các đơn vị đề xảy ra vi phạm đặc biệt nghiêm trọng (theo kết luận của cấp có thẩm quyền).

2.3. Quy trình chấm điểm

- Các cơ sở giáo dục đại học tự thực gửi kết quả tự chấm điểm, kèm minh chứng, sản phẩm về các đơn vị được giao đánh giá theo phân công và đơn vị cụm trưởng trước ngày 15/9/2024.

- Căn cứ kết quả tự chấm điểm của các cơ sở giáo dục đại học tự thực, các đơn vị thuộc Bộ được phân công đánh giá, chấm điểm thẩm định và gửi kết quả về Vụ Tổ chức cán bộ trước ngày 31/10/2024.

3. Các khối thi đua của các đơn vị quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 mục I văn bản này

Các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, các bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng tiêu chí cho các cụm, khối thi đua; tổ chức đánh giá, bình xét thi đua và gửi kết quả đánh giá thi đua, đề nghị khen thưởng về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 30/9/2024.

III. TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA

1. Tổ chức

Cụm, khối thi đua có cụm trưởng/khối trưởng, cụm phó/khối phó và các thành viên trong cụm, khối. Đơn vị xếp thứ tự đầu tiên và thứ hai tại khoản 1, khoản 2 mục I văn bản này được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao làm cụm trưởng, cụm phó của cụm thi đua. Đối với các cụm, khối thi đua khác do cơ quan, đơn vị quản lý chọn cử cụm trưởng/khối trưởng, cụm phó/khối phó. Các năm tiếp theo,

cụm trưởng/khối trưởng và cụm phó/khối phó được bầu chọn theo nguyên tắc luân phiên trong dịp tổng kết, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi. Cụm trưởng/khối trưởng tổ chức điều hành hoạt động của cụm, khối thi đua ngay sau khi được phân công.

Bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng là đơn vị thường trực giúp việc cụm trưởng/khối trưởng, cụm phó/khối phó và các thành viên trong cụm, khối thi đua.

2. Nhiệm vụ

2.1. Cụm trưởng, khối trưởng

a) Chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của cụm, khối thi đua; lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của cụm, khối thi đua. Khi tổ chức hoạt động thi đua theo chuyên đề, các cụm, khối thi đua xây dựng kế hoạch, nội dung và báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Điều phối hoạt động giữa các đơn vị trong cụm, khối thi đua, phối hợp tổ chức các hoạt động chung; tổ chức ký kết giao ước thi đua; trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm, phối hợp tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến; bàn các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyên môn và công tác thi đua, khen thưởng.

c) Chủ trì và kết luận hội nghị tổng kết năm và các hoạt động khác của cụm, khối thi đua; báo cáo việc thực hiện các phong trào thi đua, biện pháp triển khai phong trào thi đua, xây dựng các mô hình mới, điển hình tiên tiến trong cụm, khối thi đua; đánh giá, bình xét, suy tôn các tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc hoặc xuất sắc trong cụm, khối thi đua theo thứ tự từ cao xuống thấp và báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo họp xét, trình Bộ trưởng tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xét, khen thưởng Cờ thi đua của Chính phủ; kết quả bầu chọn cụm trưởng/khối trưởng, cụm phó/khối phó theo quy định.

2.2. Cụm phó, khối phó

a) Phối hợp với cụm trưởng/khối trưởng xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của cụm, khối thi đua theo quy định.

b) Thay mặt cụm trưởng/khối trưởng giải quyết một số công việc khi được cụm trưởng/khối trưởng ủy quyền.

c) Phối hợp với cụm trưởng/khối trưởng tổ chức hội nghị tổng kết và các hoạt động khác của cụm, khối thi đua.

2.3. Các đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua

a) Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các hoạt động của cụm, khối thi đua.

b) Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung thi đua của cụm, khối thi đua.

c) Phát hiện, tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua.

3. Hoạt động của cụm, khối thi đua

3.1. Cụm, khối thi đua làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết theo đa số.

3.2. Cụm trưởng/khối trưởng và các thành viên trong cụm, khối thi đua được sử dụng con dấu của đơn vị làm cụm trưởng, khối trưởng và các phương tiện được giao quản lý để phục vụ cho các hoạt động của cụm, khối thi đua. Kinh phí hoạt động của cụm, khối thi đua thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3.3. Hội nghị tổng kết năm

a) Thành phần

- Đại diện Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các cụm thi đua quy định tại khoản 1, khoản 2 mục I văn bản này; đại diện Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị quản lý trực tiếp đối với các cụm, khối thi đua quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 mục I văn bản này.

- Đại diện lãnh đạo các đơn vị trong cụm, khối thi đua.

- Đại diện lãnh đạo và cá nhân có liên quan của các đơn vị trong cụm, khối thi đua.

- Đại diện tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến.

b) Nội dung

- Đánh giá kết quả hoạt động của cụm, khối thi đua trong năm học, năm công tác và bàn biện pháp triển khai nhiệm vụ năm tới; phổ biến các điển hình tiêu biểu và cách làm hay của các đơn vị trong cụm, khối thi đua.

- Tổ chức đánh giá, bình xét, suy tôn các tập thể có thành tích tiêu biểu.

- Bầu cụm trưởng/khối trưởng, cụm phó/khối phó mới cho năm tiếp theo.

Trước khi tiến hành Hội nghị tổng kết, cụm trưởng/khối trưởng chủ trì tổ chức họp trừ bì để thống nhất các nội dung trên.

c) Thời gian hoàn thành hội nghị tổng kết và gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30/9/2024. Đối với Cụm thi đua số 8 các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo hoàn thành trước ngày 15/3/2025.

d) Hình thức tổ chức họp trừ bì và hội nghị tổng kết năm: Trực tiếp, trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác do cụm trưởng quyết định.

3.4. Trước khi tổ chức hội nghị tổng kết năm, cụm trưởng các cụm thi đua quy định tại khoản 1, khoản 2 mục I văn bản này thống nhất thời gian, gửi báo cáo và giấy mời về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để báo cáo

lãnh đạo Bộ xem xét tham dự hoặc đại diện thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tham dự.

IV. TIÊU CHUẨN VÀ SỐ LƯỢNG CỜ THI ĐUA CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, BẰNG KHEN CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo được xét tặng cho 01 đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất, dẫn đầu mỗi cụm, khối thi đua và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1.1. Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong cụm, khối thi đua.

1.2. Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể năm 2023 trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

2. Cờ thi đua của Chính phủ

2.1. Cờ thi đua của Chính phủ để tặng được xét tặng không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc, hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm.

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể năm 2023 trong sạch, vững mạnh; đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

c) Được cụm, khối thi đua tổ chức bình xét, đánh giá, so sánh, lấy phiếu tín nhiệm của các thành viên trong cụm, khối thi đua đạt mức tiêu biểu xuất sắc trong số các thành viên của cụm, khối thi đua.

2.2. Bộ Giáo dục và Đào tạo xét chọn Cờ thi đua của Chính phủ không quá 20% tổng số tập thể của các đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 mục I văn bản này (trừ các đơn vị thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) đủ tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh xét chọn Cờ thi đua của Chính phủ không quá 20% tổng số tập thể của các đơn vị quy định tại khoản 4 mục I văn bản này đủ tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được xét tặng cho những đơn vị có thành tích tiêu biểu, xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua, cụ thể:

3.1. Đối với Cụm thi đua số 1 các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo: xét không quá 01 Bằng khen.

3.2. Đối với cụm, khối thi đua có 05 hoặc 06 đơn vị: xét không quá 02 Bằng khen.

3.3. Đối với cụm, khối thi đua có từ 07 đến 10 đơn vị: xét không quá 03 Bằng khen.

3.4. Đối với cụm, khối thi đua có từ 10 đơn vị trở lên: xét không quá 04 Bằng khen.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ, cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm

1.1. Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung trong văn bản này đến các khoa, phòng, ban, đơn vị thành viên bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

1.2. Gửi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả đánh giá thi đua, đề nghị khen thưởng theo cụm, khối thi đua về đơn vị thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 15/9/2024.

2. Các đơn vị thuộc Bộ được giao đánh giá

2.1. Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Bộ, cơ sở giáo dục đại học tư tục trong việc thực hiện phong trào thi đua theo lĩnh vực được giao phụ trách.

2.2. Chấm thẩm định đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ và các cơ sở đại học tư thực; gửi kết quả về đơn vị thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 31/10/2024.

3. Đơn vị thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tổng hợp kết quả đánh giá thi đua, đề nghị khen thưởng của các cụm, khối thi đua; kết quả thẩm định các đơn vị thuộc Bộ được giao phụ trách đánh giá; báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các bộ, ban, ngành;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Các cơ sở giáo dục đại học, trường CDSP;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Kim Chi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục

DỰ THẢO TIÊU CHÍ THI ĐUA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TƯ THỰC

(Ban hành kèm theo Công văn số /BGDDT-TCCB ngày tháng năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tiêu chí	Chỉ số/ngưỡng	Điểm	Điểm tự chấm	Lý do chênh lệch với điểm chuẩn	Minh chứng	Đơn vị thẩm định/nguồn số liệu
I	Việc chấp hành các quy định của pháp luật		16				
1	Các vị trí lãnh đạo chủ chốt (chủ tịch hội đồng trường/hội đồng đại học và hiệu trưởng/giám đốc đại học) được kiện toàn kịp thời và được quy hoạch đầy đủ	Chủ tịch hội đồng trường/hội đồng đại học và hiệu trưởng/giám đốc được kiện toàn kịp thời và được quy hoạch đầy đủ	4				Vụ TCCB
		Chủ tịch hội đồng trường/hội đồng đại học và hiệu trưởng/giám đốc được kiện toàn kịp thời	3				
		Chưa kiện toàn đầy đủ chủ tịch hội đồng trường/hội đồng đại học hoặc hiệu trưởng/giám đốc	2				
		Khuyết đồng thời 2 vị trí chủ tịch hội đồng trường/hội đồng đại học và hiệu trưởng/giám đốc quá 6 tháng	1				
2	Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; cùng cố đoàn kết nội bộ; hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể trong cơ quan, đơn vị	Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; cùng cố đoàn kết nội bộ tốt; hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể trong cơ quan, đơn vị hiệu quả, đúng quy định	4				

		Có thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; nội bộ đoàn kết; hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể trong cơ quan, đơn vị hiệu quả, đúng quy định				3					Vụ TCCB
		Nội bộ đoàn kết; chưa thực hiện tốt dân chủ cơ sở; có tổ chức các hoạt động của Đảng, đoàn thể trong cơ quan, đơn vị nhưng còn hình thức, chưa hiệu quả				2					
		Xây ra mất đoàn kết nội bộ bị xử lý kỷ luật				1					
3	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý CSGDDH thể hiện qua mức độ cập nhật dữ liệu trên hệ thống HEMIS	Trên 90%				4					Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT, Cục CNTT (HEMIS)
		Từ 71% đến 90%				3					
		Từ 51% đến 70%				2					
		Dưới 50%				1					
4	Tỉ lệ hoàn thành các báo cáo thường xuyên và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trên 90%				4					Văn phòng Bộ
		Từ 11% đến 90%				3					
		Từ 51% đến 70%				2					
		Dưới 50%				1					
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm					132					
1	Quản lý, điều hành					8					
	Chiến lược, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục đại học được ban hành, triển khai và giám sát hiệu quả qua bộ chỉ số hoạt động chính, bảo đảm hàng năm các chỉ số hoạt động chính	Tỉ lệ chỉ số hoạt động chính được cải thiện trên 70%				8					Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)
Tỉ lệ chỉ số hoạt động chính được cải thiện từ 61% đến 70%				6							
Tỉ lệ chỉ số hoạt động chính được cải thiện từ 51% đến 60%				4							

	được cải thiện	Tỉ lệ chi số hoạt động chính được cải thiện dưới 50%	2					
2	Phát triển đội ngũ giảng viên		24					
2.1	Tỉ lệ giảng viên toàn thời gian có chức danh giáo sư, phó giáo sư	Trên 25%	6					Vụ GDDH
		Từ 16% đến 25%	4.5					
		Từ 6% đến 15%	3					
		Từ 1% đến dưới 5%	1.5					
		Trên 60%	8					
2.2	Tỉ lệ giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ	Từ 41% đến 60%	6					Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)
		Từ 20% đến 40%	4					
		Từ 5% đến 19%	2					
		Trên 1.5%	6					
		Từ 1.1% đến 1.5%	4.5					
2.3	Sự gia tăng tỉ lệ giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ hàng năm	Từ 0.6% đến 1%	3					Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)
		Từ 0.1% đến 0.5%	1.5					
		Trên 10 giờ	4					
		Từ 6 giờ đến 10 giờ	3					
		Từ 1 giờ đến 5 giờ	2					
2.4	Thời lượng cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ hàng năm	Dưới 1 giờ	1					Cục NGCB
3	Phát triển, quản lý và khai thác cơ sở vật chất		12					
3.1	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	Trên 80%	4					Thông tư số 01/2024/TT- ~~~~~
		Từ 51% đến 80%	3					

		Từ 31% đến 50%	2					BGDD I (HEMIS)
		Từ 1% đến 30%	1					
		Trên 60%	4					
3.2	Số đầu sách trên ngành đào tạo	Từ 41% đến 60%	3					Thông tư số 01/2024/TT- BGDDT (HEMIS)
		Từ 31% đến 40%	2					
		Từ 20% đến 30%	1					
		Trên 9%	4					
3.3	Số bản sách trên người học	Từ 7% đến 9%	3					Thông tư số 01/2024/TT- BGDDT (HEMIS)
		Từ 4% đến 6%	2					
		Từ 2% đến 3%	1					

4	Tuyển sinh, đào tạo và hỗ trợ người học		40						Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)
4.1	Tỉ lệ nhập học	Trên 90%	4						Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)
		Từ 81% đến 90%	3						
		Từ 71% đến 80%	2						
		Từ 60% đến 70%	1						
		Dưới 1%	4						
4.2	Tỉ lệ sinh viên năm thứ nhất thời học	Từ 1% đến 4%	3						Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)
		Từ 5% đến 9%	2						
		Từ 10% đến 14%	1						
		Trên 90%	4						
		Từ 81% đến 90%	3						
4.3	Tỉ lệ tốt nghiệp	Từ 71% đến 80%	2						Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)
		Từ 60% đến 70%	1						
		Trên 60%	4						
		Từ 41% đến 60%	3						
		Từ 21% đến 40%	2						
4.4	Tỉ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn	Từ 10% đến 20%	1						Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)
		Trên 90%	4						
		Từ 81% đến 90%	3						
		Từ 71% đến 80%	2						
		Từ 60% đến 70%	1						
4.5	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	Trên 90%	4						Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)
		Từ 81% đến 90%	3						
		Từ 71% đến 80%	2						
		Từ 60% đến 70%	1						
		Trên 90%	4						
4.6	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	Từ 81% đến 90%	3						Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)

		Từ 71% đến 80%	2						
		Từ 60% đến 70%	1						
		Từ 90%	4						
4.7	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm	Từ 81% đến 90%	3						Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)
		Từ 71% đến 80%	2						
		Từ 60% đến 70%	1						
		Từ 6 giờ	4						
4.8	Thời lượng sinh viên được đào tạo, bồi dưỡng về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	Từ 5 giờ đến 6 giờ	3						Vụ GDCT và CTHSSV
		Từ 3 giờ đến 4 giờ	2						
		Từ 1 giờ đến 2 giờ	1						
		Từ 15%	4						
4.9	Tỉ lệ học viên sau đại học trên tổng quy mô đào tạo	Từ 11% đến 15%	3						Vụ GDDH
		Từ 3% đến 10%	2						
		Từ 1% đến 2%	1						
		Từ 50%	4						
4.10	Tỉ lệ chương trình đào tạo đã được công nhận đạt kiểm định chất lượng	Từ 31% đến 50%	3						Cục QLCL
		Từ 11% đến 30%	2						
		Từ 1% đến 10%	1						
5	Nghiên cứu khoa học		20						
		Từ 15%	8						Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)
5.1	Tỉ trọng thu khoa học, công nghệ	Từ 11% đến 15%	6						
		Từ 3% đến 10%	4						
		Từ 1% đến 2%	2						
5.2	Số công bố khoa học/giảng viên	Từ 1.5	12						Thông tư số

		Từ 0.7 đến 1.5	9					01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)
		Từ 0.4 đến 0.6	6					
		Từ 0.1 đến 0.3	3					
6	Hợp tác quốc tế		16					
6.1	Ti lệ sinh viên nước ngoài đến học tập hoặc trao đổi	Trên 1%	4					Cục HTQT
		Từ 0.7% đến 0.9%	3					
		Từ 0.4% đến 0.6%	2					
		Từ 0.1% đến 0.3%	1					
		Trên 1%	4					
6.2	Ti lệ sinh viên ra nước ngoài học tập ngắn hạn hoặc trao đổi	Từ 0.7% đến 0.9%	3					Cục HTQT
		Từ 0.4% đến 0.6%	2					
		Từ 0.1% đến 0.3%	1					
		Trên 1%	4					
		Từ 0.7% đến 0.9%	3					
6.3	Ti lệ giảng viên, nhà khoa học nước ngoài đến làm việc hoặc trao đổi ngắn hạn	Từ 0.4% đến 0.6%	2					Cục HTQT
		Từ 0.1% đến 0.3%	1					
		Trên 1%	4					
		Từ 0.7% đến 0.9%	3					
		Từ 0.4% đến 0.6%	2					
6.4	Ti lệ giảng viên ra nước ngoài trao đổi ngắn hạn	Từ 0.1% đến 0.3%	1					Cục HTQT
		Trên 1%	4					
		Từ 0.7% đến 0.9%	3					
		Từ 0.4% đến 0.6%	2					
7	Tài chính		12					
7.1	Ti lệ giải ngân ngân sách nhà nước được cấp	Trên 95%	4					

		Từ 80% đến 94% Từ 60% đến 79% Từ 50% đến 59% Trên 15% Từ 11% đến 15% Từ 3% đến 10% Từ 1% đến 2% Trên 8% Từ 5% đến 8% Từ 3% đến 4% Từ 1% đến 2%	3 2 1 4 3 2 1 4 3 2 1							Vụ KHTC
7.2	Chỉ số tăng trưởng bền vững									Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT (HEMIS)
7.3	Tỉ lệ kinh phí chi cho các hoạt động hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp trên tổng nguồn thu của đơn vị									Vụ KHTC, Vụ GDCT và CTHSSV
III	Đóng góp vào việc chung, tác động đến hệ thống giáo dục đại học		18							
1	Sinh viên, học viên sau đại học đạt thành tích, giải thưởng trong nước hoặc quốc tế	Có nhiều sinh viên, học viên sau đại học đạt thành tích, giải thưởng quốc tế, trong nước	6							Điểm thưởng
2	Nhà giáo đạt thành tích, giải thưởng trong nước hoặc quốc tế	Có nhiều nhà giáo đạt thành tích, giải thưởng quốc tế, trong nước	6							Điểm thưởng

		Có nhà giáo đạt thành tích, giải thưởng quốc tế, trong nước	4					
		Thực hiện các hoạt động, đạt hiệu quả cao, được ghi nhận	6					
		Thực hiện các hoạt động, hoàn thành công việc	4.5					
		Thực hiện các hoạt động, hoàn thành công việc ở mức trung bình	4					
		Thực hiện các hoạt động, không hiệu quả	1.5					
3	Hỗ trợ các hoạt động của ngành, của Bộ							Điểm thường

160

XẾP HẠNG	TỔNG ĐIỂM
Mức xuất sắc	Từ 135 điểm trở lên
Mức tốt	Từ 100 điểm đến dưới 135 điểm
Mức trung bình	Từ 75 điểm đến dưới 100 điểm
Mức yếu	Dưới 75 điểm